HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 160/2015/NQ-HĐND	*Tuy Hòa, ngày 25 tháng 12 năm 2015*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước, giai đoạn 2016-2020 tỉnh Phú Yên

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH PHÚ YÊN
KHÓA VI, KỲ HỌP THỨ 14

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân năm 2003;

Căn cứ Luật Đầu tư công năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 1023/NQ-UBTVQH13, ngày 28/8/2015 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về ban hành các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Căn cứ Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ về ban hành nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020;

Sau khi xem xét Tờ trình số 170/TTr-UBND, ngày 03/12/2015 của UBND tỉnh về ban hành Nghị quyết quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển bằng nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 của tỉnh Phú Yên; Báo cáo thẩm tra của Ban Kinh tế và Ngân sách HĐND tỉnh, ý kiến của các đại biểu HĐND tỉnh,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành Quy định các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 tỉnh Phú Yên với những nội dung kèm theo.

Điều 2. Hiệu lực thi hành

Nghị quyết này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 05/01/2016.

Điều 3. Tổ chức thực hiện

Hội đồng nhân dân tỉnh giao:

1. UBND tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

2. Thường trực HĐND, các Ban của HĐND và đại biểu HĐND tỉnh căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn theo luật định tổ chức đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Phú Yên khóa VI, kỳ họp thứ 14 thông qua ngày 25 tháng 12 năm 2015./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
TỈNH PHÚ YÊN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH
Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tỉnh Phú Yên

(Kèm theo Nghị quyết số 160/2015/NQ-HĐND, ngày 25/12/2015 của HĐND tỉnh Phú Yên)

A. PHẠM VI ĐIỀU CHỈNH

Quy định này quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 tỉnh Phú Yên.

B. ĐỐI TƯỢNG ÁP DỤNG

- Các sở, ban, ngành, các huyện, thị xã, thành phố và các đơn vị sử dụng vốn ngân sách nhà nước thuộc tỉnh Phú Yên (gọi tắt là các sở, ban, ngành và các địa phương);

- Cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan đến lập kế hoạch đầu tư trung hạn và hàng năm từ nguồn ngân sách nhà nước.

C. CÁC NGÀNH, LĨNH VỰC SỬ DỤNG VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020

Vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước được bố trí để chuẩn bị đầu tư và thực hiện các dự án hạ tầng kinh tế - xã hội không có khả năng hoàn vốn trực tiếp hoặc không xã hội hóa được thuộc các ngành, lĩnh vực sau:

1. Nông nghiệp, lâm nghiệp, thủy lợi và thủy sản: Các dự án thủy lợi, hạ tầng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và phát triển rừng bền vững; phát triển thủy sản; phát triển giống cây trồng, vật nuôi; các dự án phòng, tránh thiên tai, bão lụt, hạn hán.

2. Công nghiệp: Các dự án đầu tư hạ tầng Khu kinh tế Nam Phú Yên và hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp; mạng lưới điện nông thôn, miền núi, hải đảo và vùng đồng bào dân tộc thiểu số; mạng lưới điện phục vụ quốc phòng, an ninh; sản xuất năng lượng tái tạo.

3. Thương mại: Các dự án chợ dân sinh, chợ đầu mối, trung tâm hội chợ triển lãm, kết cấu hạ tầng xuất khẩu, nhập khẩu ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn và vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

4. Giao thông: Các dự án hạ tầng giao thông đường bộ: Đường tỉnh, đường huyện, đường xã, đường giao thông nông thôn; đường thủy nội địa; đường biển.

5. Cấp nước, thoát nước và xử lý rác thải, nước thải: Các dự án cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải.

6. Kho tàng: Các dự án kho tàng, kho lưu trữ chuyên dụng, lưu trữ hồ sơ, tài liệu, kho vật chứng.

7. Văn hóa: Các dự án đầu tư xây dựng, tu bổ, tôn tạo các di tích Quốc gia đặc biệt, di tích Quốc gia, di tích cấp tỉnh; bảo tồn văn hóa truyền thống, các dự án văn hóa.

8. Thể thao: Các dự án thuộc lĩnh vực hạ tầng thể dục, thể thao.

9. Du lịch: Các dự án hạ tầng kỹ thuật nhằm phát triển du lịch bền vững tại các khu, điểm du lịch.

10. Khoa học, công nghệ: Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất cho các tổ chức khoa học và công nghệ; các phòng thí nghiệm, xưởng thực nghiệm; các trung tâm phân tích, kiểm nghiệm, kiểm định; các phòng thiết kế chuyên dụng trong lĩnh vực khoa học tự nhiên và kỹ thuật; các trung tâm ứng dụng và chuyển giao công nghệ, chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng; các trạm, trại thực nghiệm; khu công nghệ cao; khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên.

11. Thông tin: Các dự án phục vụ hoạt động xuất bản, thông tấn, báo chí, phát thanh, truyền hình tiếng dân tộc và thực hiện nhiệm vụ chính trị, xã hội, công ích thiết yếu.

12. Truyền thông: Các dự án viễn thông phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, đảm bảo an toàn thông tin quốc gia.

13. Công nghệ thông tin: Các dự án đầu tư hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin; bảo mật và an toàn thông tin điện tử trong cơ quan nhà nước; hạ tầng công nghệ thông tin cung cấp dịch vụ công trực tuyến phục vụ người dân và doanh nghiệp; hạ tầng thương mại điện tử, giao dịch điện tử.

14. Giáo dục, đào tạo và giáo dục nghề nghiệp: Các dự án đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, trang thiết bị các cơ sở giáo dục, đào tạo và cơ sở giáo dục nghề nghiệp, các cấp học từ mầm non đến đại học và hạ tầng kỹ thuật các khu đại học-cao đẳng.

15. Y tế, dân số và vệ sinh an toàn thực phẩm: Các dự án bệnh viện, các cơ sở y tế, trung tâm kiểm nghiệm, kiểm định, giám định của cơ quan quản lý chuyên ngành.

16. Xã hội: Các dự án nuôi dưỡng, điều dưỡng người có công; hỗ trợ việc làm; chăm sóc, điều dưỡng sức khỏe cán bộ, công chức; cai nghiện và các dự án trợ giúp xã hội khác; các dự án cải tạo, nâng cấp các dự án ghi công liệt sỹ.

17. Tài nguyên và môi trường: Các dự án trong lĩnh vực biển và hải đảo, đo đạc bản đồ, khí tượng thủy văn, thăm dò địa chất và khoáng sản, nguồn nước; quan

trắc cảnh báo môi trường; bảo vệ tài nguyên, khắc phục ô nhiễm môi trường, tăng trưởng xanh, ứng phó với biến đổi khí hậu và phát triển bền vững.

18. Quản lý nhà nước: Các dự án trụ sở, nhà công vụ của các cơ quan Đảng, Đoàn đại biểu Quốc hội và Hội đồng nhân dân tỉnh; trụ sở của các cấp chính quyền địa phương: Tỉnh, huyện, thị xã, thành phố, xã, phường, thị trấn (Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các cấp); trụ sở của các sở, ban, ngành thuộc tỉnh.

Trụ sở Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội ở các cấp, các tổ chức xã hội, hiệp hội và các tổ chức phi chính phủ khác ở địa phương: Hội đồng nhân dân các cấp và Ủy ban nhân dân các cấp quyết định chủ trương đầu tư và hỗ trợ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương theo quy định của Luật Đầu tư công và phân ngành, lĩnh vực phù hợp theo quy định này.

19. Quốc phòng, an ninh: Các dự án phục vụ mục tiêu quốc phòng, an ninh, đảm bảo trật tự, an toàn xã hội, ứng phó với sự cố thiên tai và tìm kiếm cứu nạn.

D. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ, ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ GIAI ĐOẠN 2016-2020

I. NGUYÊN TẮC CHUNG PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC GIAI ĐOẠN 2016-2020

1. Các nguyên tắc chung về phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn Ngân sách nhà nước tỉnh Phú Yên

a) Việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016 - 2020 tuân thủ đúng các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản pháp luật có liên quan.

b) Quản lý tập trung, thống nhất về mục tiêu, cơ chế, chính sách; thực hiện phân cấp trong quản lý đầu tư theo quy định của pháp luật, tạo quyền chủ động cho các sở, ban, ngành và các cấp chính quyền địa phương.

c) Phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước phục vụ thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển tại Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XVI, Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm 2016 - 2020 của tỉnh, quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội và các quy hoạch ngành, lĩnh vực đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

d) Phù hợp với khả năng cân đối vốn đầu tư từ nguồn ngân sách nhà nước và thu hút các nguồn vốn đầu tư của các thành phần kinh tế khác, của từng ngành, lĩnh vực và địa phương; bảo đảm các cân đối vĩ mô, ưu tiên an toàn nợ công.

e) Bố trí vốn đầu tư tập trung, khắc phục tình trạng phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn đầu tư. Chỉ bố trí vốn cho các dự án đã đủ thủ tục đầu tư được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo đúng quy định của Luật Đầu tư công và

các quy định pháp luật khác liên quan; đã được thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của các cấp có thẩm quyền.

f) Ưu tiên bố trí vốn cho các vùng miền núi, hải đảo, vùng đồng bào dân tộc thiểu số và các vùng có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn, vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn, góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng trong tỉnh.

g) Tập trung bố trí vốn để hoàn thành và đẩy nhanh tiến độ thực hiện chương trình mục tiêu Quốc gia, dự án quan trọng của tỉnh, chương trình mục tiêu, dự án có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh, các cấp, các ngành.

h) Bảo đảm công khai, minh bạch trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 của sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các địa phương

Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố thực hiện việc phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020 theo các nguyên tắc chung quy định tại các điểm 1 nêu trên và các nguyên tắc cụ thể sau:

a) Đối với nguồn vốn cân đối ngân sách tập trung (không bao gồm nguồn thu sử dụng đất và xổ số kiết thiết) phân bổ chi tiết 90% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn theo danh mục và mức vốn cho từng dự án báo cáo cấp có thẩm quyền phê duyệt; dành lại 10% tổng mức vốn kế hoạch đầu tư trung hạn để xử lý các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện kế hoạch đầu tư trung hạn.

b) Việc bố trí vốn kế hoạch đầu tư nguồn ngân sách nhà nước trung hạn theo từng ngành, lĩnh vực, chương trình của sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các địa phương trong giai đoạn 2016-2020 theo thứ tự ưu tiên sau đây:

- Ưu tiên bố trí vốn cho dự án đã hoàn thành, bàn giao và đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn; dự án dự kiến hoàn thành trong kỳ kế hoạch; vốn đối ứng cho dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài; vốn đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án theo hình thức đối tác công tư;

- Dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

- Dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định tại khoản 5 Điều 54 của Luật Đầu tư công và Nghị định hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công.

c) Về bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và hoàn trả vốn ứng trước:

- Đối với sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các địa phương có số nợ đọng xây dựng cơ bản và ứng trước không lớn đã được HĐND tỉnh có ý kiến thống nhất, phải bố trí đủ vốn kế hoạch đầu tư trung hạn trong từng ngành, lĩnh vực, chương

trình để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi các khoản ứng trước; phần còn lại bố trí vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA và bố trí vốn cho các dự án hoàn thành, dự án chuyển tiếp. Số vốn còn lại (nếu có) mới cho phép bố trí khởi công các dự án mới.

- Đối với sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố có số nợ đọng xây dựng cơ bản và ứng trước lớn đã được HĐND tỉnh có ý kiến thống nhất (kế hoạch đầu tư trung hạn nếu bố trí đủ để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản và thu hồi vốn ứng trước, sẽ không còn nguồn để đối ứng các chương trình, dự án ODA, bố trí vốn cho các dự án chuyển tiếp), yêu cầu sở, ban, ngành và các địa phương thực hiện:

+ Bố trí đủ vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản. Đối với địa phương, nếu trong kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách Trung ương và nguồn cân đối ngân sách do địa phương quản lý không cân đối đủ, cho phép địa phương sử dụng nguồn tăng thu (sau khi đã bố trí để cải cách tiền lương) hằng năm để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản. Đối với địa phương không có tăng thu ngân sách, phải huy động các nguồn vốn hợp pháp khác để thanh toán nợ đọng. Địa phương phải xây dựng phương án cụ thể số vốn trả nợ đọng từ kế hoạch đầu tư trung hạn nguồn ngân sách Trung ương, nguồn cân đối ngân sách và số vốn trả nợ đọng từ nguồn tăng thu ngân sách địa phương và các nguồn vốn hợp pháp khác.

+ Bố trí vốn để thanh toán 50% số vốn ứng trước theo ngành, lĩnh vực, chương trình.

+ Số vốn còn lại bố trí để đối ứng các chương trình, dự án ODA, các dự án chuyển tiếp. Không được bố trí vốn kế hoạch đầu tư trung hạn để khởi công các dự án mới, trừ trường hợp đặc biệt do Chủ tịch UBND tỉnh quyết định.

Trong quá trình điều hành nếu có tăng thu ngân sách địa phương thì Ủy ban nhân dân các cấp báo cáo Hội đồng nhân dân cùng cấp sử dụng một phần số tăng thu cân đối ngân sách địa phương để hoàn trả các khoản vốn ứng trước; sau khi thanh toán dứt điểm số nợ đọng xây dựng cơ bản và ứng trước, mới được phép sử dụng số tăng thu còn lại để bố trí cho các dự án chuyển tiếp và dự án khởi công mới.

d) Việc bố trí vốn nước ngoài (ODA) của sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các địa phương thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Ưu tiên bố trí cho các chương trình, dự án ODA đang triển khai dở dang, hiệu quả.

- Đối với các dự án khởi công mới trong giai đoạn 2016-2020 phải tính toán kỹ về sự cần thiết, hiệu quả; phù hợp các Hiệp định đã ký kết với nhà tài trợ; các dự án đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt phù hợp với tiến độ triển khai thực hiện đến năm 2020.

- Danh mục các dự án chưa ký kết Hiệp định, trước mắt chưa đưa vào cân đối trong giai đoạn 2016-2020;

đ) Về vốn chuẩn bị đầu tư: Sở, ban, ngành thuộc tỉnh và các địa phương chủ động cân đối trong số vốn được giao theo ngành, lĩnh vực, chương trình để chuẩn bị đầu tư dự án.

II. NGUYÊN TẮC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN NGUỒN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CỦA CÁC SỞ, BAN, NGÀNH THUỘC TỈNH

1. Các sở, ban, ngành thuộc tỉnh được sử dụng vốn đầu tư phát triển thuộc nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2016-2020, gồm:

- Cơ quan của Tỉnh ủy;
- Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội và HĐND tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh;
- Các sở, ban, ngành và các cơ quan trực thuộc tỉnh;
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị - xã hội, các tổ chức xã hội, hiệp hội và các tổ chức phi chính phủ khác ở địa phương việc bố trí vốn sẽ được xem xét cụ thể từng công trình, dự án phục vụ cho các mục tiêu nhiệm vụ cụ thể vì lợi ích công được UBND tỉnh giao.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn

Thực hiện theo các nội dung của Mục I Phần D Quy định này về các nguyên tắc chung về phân bổ vốn, thứ tự ưu tiên bố trí vốn và các nguyên tắc cụ thể sau:

- Việc phân bổ vốn theo ngành, lĩnh vực cho các sở, ban, ngành thuộc tỉnh để thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết Đại hội Đảng bộ lần thứ XVI, quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội 05 năm và hằng năm của tỉnh và các ngành, lĩnh vực của nền kinh tế.

- Phù hợp với khả năng cân đối của ngân sách nhà nước và huy động các nguồn vốn khác để đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội.

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa vốn đầu tư cho các sở, ban, ngành thuộc tỉnh và vốn đầu tư theo chương trình bổ sung có mục tiêu và vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương.

- Việc phân bổ vốn cho dự án bảo đảm dự án đã có trong quy hoạch được duyệt, có đầy đủ thủ tục đầu tư theo quy định.

- Các dự án bố trí vốn trong kế hoạch đầu tư trung hạn giai đoạn 2016-2020 phải được thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn của các cấp có thẩm quyền.

III. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN TRONG CÂN ĐỐI DO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ QUẢN LÝ

1. Nguyên tắc xây dựng các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư trong cân đối cho các huyện, thị xã, thành phố

- Phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước.

- Các tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư phát triển nguồn cân đối ngân sách địa phương thực hiện cho giai đoạn 2016 - 2020.

- Bảo đảm tương quan hợp lý giữa việc phục vụ các mục tiêu phát triển các trung tâm chính trị, kinh tế của tỉnh, các vùng kinh tế trọng điểm với việc ưu tiên hỗ trợ các vùng miền núi, vùng đồng bào dân tộc, vùng ven biển khó khăn và các vùng khó khăn khác để góp phần thu hẹp dần khoảng cách về trình độ phát triển kinh tế, thu nhập và mức sống của dân cư giữa các vùng miền trong tỉnh.

- Sử dụng có hiệu quả vốn đầu tư của ngân sách nhà nước, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

- Bảo đảm tính công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn đầu tư phát triển.

- Mức vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất) của từng địa phương không thấp hơn số vốn kế hoạch năm 2015.

- Nguồn vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tập trung được Trung ương cân đối cho tỉnh, sau khi trừ 10% dự phòng, được phân bổ cho các huyện, thị xã thành phố quản lý chiếm tỷ lệ 40%, cấp tỉnh quản lý chiếm 60%. Phần thực hiện trả nợ vay các chương trình được HĐND tỉnh ra Nghị quyết do ngân sách cấp tỉnh quản lý cân đối trả nợ từ các nguồn: Vốn đầu tư trong cân đối ngân sách cấp tỉnh quản lý (60%), thu tiền sử dụng đất hàng năm và các nguồn vốn hợp pháp khác.

- Tổng vốn đầu tư phát triển nguồn ngân sách nhà nước do các huyện, thị xã, thành phố quản lý hằng năm gồm: 100% khoản thu tiền sử dụng đất *(sau khi trừ khoản kinh phí quản lý đất đai như: Đo đạc bản đồ, đăng ký cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, xây dựng cơ sở dữ liệu đất đai, lập hồ sơ địa chính)*, vốn đầu tư phát triển trong cân đối *(được tính toán theo từng thời kỳ ổn định ngân sách…)*, vốn từ nguồn tăng thu, vốn huy động hợp pháp khác, vốn hỗ trợ có mục tiêu từ ngân sách tỉnh và vốn đầu tư bổ sung có mục tiêu theo các chương trình, dự án lớn của Trung ương, vốn trái phiếu Chính phủ…

2. Tiêu chí và phương pháp xác định điểm số của từng tiêu chí làm căn cứ để tính toán định mức phân bổ vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tập trung

2.1. Các tiêu chí phân bổ vốn đầu tư phát triển trong cân đối ngân sách tập trung:

Căn cứ các nguyên tắc đã nêu ở trên, các tiêu chí phân bổ vốn theo 05 nhóm sau đây:

- Tiêu chí dân số, gồm 02 tiêu chí: Số dân trung bình của các huyện, thị xã, thành phố và số người dân tộc thiểu số của các huyện, thị xã, thành phố.

- Tiêu chí về trình độ phát triển, gồm 02 tiêu chí: Tỷ lệ hộ nghèo, số thu nội địa (không bao gồm số thu sử dụng đất).

- Tiêu chí diện tích, gồm: Diện tích đất tự nhiên của các huyện, thị xã, thành phố và diện tích đất trồng lúa để thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 Hội nghị lần thứ 7 Ban Chấp hành Trung ương khóa X về nông nghiệp, nông dân, nông thôn.

- Tiêu chí về đơn vị hành chính, bao gồm: Tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn; số xã, thị trấn miền núi (vùng I và II); số xã vùng cao thuộc khu vực III; số xã vùng ven biển khó khăn của từng huyện, thị xã, thành phố.

- Các tiêu chí bổ sung, bao gồm:

+ Tiêu chí thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh.

+ Tiêu chí đô thị loại 3, loại 4.

2.2. Xác định số điểm của từng tiêu chí:

a) Tiêu chí dân số: bao gồm tổng số dân số trung bình năm và số người dân tộc thiểu số. Cách tính cụ thể như sau:

(1) Điểm của tiêu chí dân số:

Quy định cứ 10.000 dân thì được 10 điểm.

Dân số của các huyện, thị xã, thành phố để tính toán điểm được xác định căn cứ vào số liệu Niên giám thống kê năm 2014 được công bố của Cục Thống Kê.

(2) Điểm của tiêu chí số người dân tộc thiểu số:

Các huyện có số người dân tộc thiểu số dưới 500 người thì không tính điểm.

- Từ 500 người đến dưới 5.000 người: Tăng 1.000 người được tính 1 điểm.

- Từ 5.000 người trở lên: Cứ tăng thêm 2.000 người được tính 3 điểm.

Số người dân tộc thiểu số lấy theo số liệu báo cáo của Ban Dân tộc năm 2014.

b) Tiêu chí về trình độ phát triển: Bao gồm các tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo và thu nội địa (không bao gồm số thu tiền sử dụng đất) của các huyện, thị xã, thành phố.

(1) Điểm của tiêu chí hộ nghèo:

Đối với các huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí 2011-2015) dưới 5% thì không tính điểm cho tiêu chí này.

Đối với các huyện, thị xã, thành phố có tỷ lệ hộ nghèo (theo tiêu chí 2011-2015) trên 5%, thì cứ tăng thêm 5% được tính 5 điểm.

Tỷ lệ hộ nghèo của các huyện, thị xã, thành phố được xác định trên cơ sở số liệu Báo cáo đến 31/12/2014 của Sở Lao động-Thương binh và Xã hội.

(2) Điểm của tiêu chí thu nội địa:

- Thu nội địa (không bao gồm khoản thu tiền sử dụng đất) của địa phương nào dưới 20 tỷ đồng/ năm được tính 5 điểm.

- Thu từ 20 tỷ đồng đến dưới 30 tỷ đồng: Cứ tăng thêm 1 tỷ đồng được tính 1 điểm.

- Thu từ 30 tỷ đồng đến dưới 50 tỷ đồng: Cứ tăng thêm 1 tỷ đồng được tính 1,3 điểm.

- Thu từ 50 tỷ đồng trở lên: Cứ tăng thêm 1 tỷ đồng được tính 1,5 điểm.

Số thu nội địa căn cứ trên số thu ngân sách năm 2015 được UBND tỉnh giao kế hoạch tại Quyết định số 2012/QĐ-UBND, ngày 12/12/2014.

c) Tiêu chí diện tích:

(1) Tiêu chí diện tích đất tự nhiên:

Số điểm của tiêu chí này được tính như sau:

- Dưới 5.000 ha được tính 10 điểm.

- Từ 5.000 ha đến dưới 10.000 ha: Cứ tăng thêm 1.000 ha được tính 3 điểm.

- Từ 10.000 ha đến dưới 50.000 ha: cứ tăng thêm 2.000 ha được tính 3 điểm.

- Trên 50.000 ha: Cứ tăng thêm 1.000 ha được tính 1 điểm.

Diện tích tự nhiên của các huyện, thị xã, thành phố được lấy theo Niên giám thống kê năm 2014 do Cục Thống kê công bố.

(2) Tiêu chí diện tích đất trồng lúa:

Số điểm của tiêu chí này được tính như sau:

- Dưới 1.000 ha được tính 8 điểm.

- Từ 1.000 ha đến dưới 2.000 ha, cứ tăng thêm 100 ha được tính 1,2 điểm.

- Từ 2.000 ha đến 4.000 ha, cứ tăng thêm 100 ha được tính 1,5 điểm.

- Trên 4.000 ha, cứ tăng thêm 100 ha được tính 2 điểm.

Diện tích đất trồng lúa của các huyện, thị xã, thành phố được lấy theo số liệu Báo cáo kiểm kê đất đai trên địa bàn các huyện, thị xã, thành phố tháng 01/2015 của Sở Tài nguyên Môi trường.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn: Bao gồm các tiêu chí: Số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn; số đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn vùng miền núi, bãi ngang ven biển khó khăn; số đơn vị hành chính cấp xã vùng cao (vùng III).

(1) Điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn:

- Có 9 xã, phường, thị trấn thì được tính 20 điểm.

- Trên 9 xã, phường, thị trấn thì cứ tăng thêm 1 đơn vị được tính thêm 3 điểm.

Số đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn được xác định theo số liệu Niên giám thống kê 2014 do Cục Thống kê công bố.

(2) Điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn vùng miền núi (vùng I và II), xã bãi ngang ven biển khó khăn:

- Từ 1 đến 3 đơn vị thì mỗi đơn vị được tính 2 điểm.

- Trên 3 đơn vị: Cứ tăng thêm 1 đơn vị được tính thêm 3 điểm.

Số đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn vùng miền núi (vùng I và II), xã bãi ngang ven biển khó khăn được xác định theo số liệu báo cáo năm 2015 của Ban Dân tộc và Sở Lao động-Thương binh và Xã hội công bố.

(3) Điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã vùng cao (vùng III):

- Từ 1 đến 3 đơn vị thì mỗi đơn vị được tính 2 điểm.

- Trên 3 đơn vị: Cứ tăng thêm 1 đơn vị được tính thêm 3 điểm.

Số đơn vị hành chính cấp xã vùng cao (vùng III) được xác định theo số liệu báo cáo năm 2015 của Ban Dân tộc Tỉnh.

đ) Tiêu chí bổ sung:

(1) Tiêu chí thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh:

- Thành phố Tuy Hòa được cộng 25 điểm.

- Thị xã Sông Cầu được cộng 20 điểm.

(2) Tiêu chí Đô thị loại 2, 4:

- Đô thị loại 2 (thành phố Tuy hòa) được cộng 30 điểm.

- Đô thị loại 4 (thị xã Sông Cầu) được cộng 20 điểm.

2.3. Xác định mức vốn đầu tư trong cân đối ngân sách tập trung của các địa phương:

a) Căn cứ vào các tiêu chí trên để tính ra số điểm của từng huyện, thị xã, thành phố và tổng số điểm của 09 huyện, thị xã, thành phố làm căn cứ để phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, theo các công thức sau:

(1) Điểm của tiêu chí dân số:

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí dân số của huyện thứ i là A_i

- Gọi số điểm của dân số của huyện thứ i là h_i

- Gọi số điểm của số người dân tộc thiểu số của huyện thứ i là k_i

Thì điểm của tiêu chí dân số huyện thứ i sẽ là: $A_i = h_i + k_i$

(2) Điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí trình độ phát triển của huyện thứ i là B_i

- Gọi số điểm của tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo của huyện thứ i là l_i

- Gọi số điểm của tiêu chí thu nội địa (không bao gồm các khoản thu tiền sử dụng đất) của huyện thứ i là m_i

Thì điểm của tiêu chí trình độ phát triển huyện thứ i sẽ là: $B_i = l_i + m_i$

(3) Điểm của tiêu chí diện tích:

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí diện tích của huyện thứ i là C_i

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí diện tích đất tự nhiên của huyện thứ i là n_i

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí diện tích đất trồng lúa của huyện thứ i là o_i

Thì điểm của tiêu chí diện tích của huyện thứ i là sẽ là: $C_i = n_i + o_i$

(4) Điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn:

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn huyện thứ i là D_i

- Gọi số điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn chung huyện thứ i là p_i

- Gọi số điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã, thị trấn vùng miền núi (vùng I và II), xã bãi ngang ven biển khó khăn của huyện thứ i là q_i

- Gọi số điểm của tiêu chí số đơn vị hành chính cấp xã vùng cao (vùng III) của huyện thứ i là r_i

Thì điểm của tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã, phường, thị trấn huyện thứ i sẽ là:

$D_i = p_i + q_i + r_i$

(5) Điểm của tiêu chí bổ sung:

- Gọi tổng số điểm của tiêu chí bổ sung là E_i

- Gọi số điểm của tiêu chí thành phố, thị xã trực thuộc tỉnh là s_i

- Gọi số điểm của tiêu chí đô thị là t_i

Thì tổng số điểm của tiêu chí bổ sung sẽ là: $E_i = s_i + t_i$

(6) Tổng số điểm của huyện thứ i là H_i, ta có:

$H_i = A_i + B_i + C_i + D_i + E_i$

(7) Tổng số điểm của 09 huyện, thị xã, thành phố là Q, ta có:

$$Q = \sum_{i=1}^{9} Hi$$

Với cách tính điểm cho từng tiêu chí nêu trên thì tổng số điểm của các huyện, thị xã, thành phố như sau:

Tổng số điểm: 3.368,67 điểm.

- Thành phố Tuy Hòa: 595,36 điểm.
- Thị xã Sông Cầu: 335,42 điểm.
- Huyện Đồng Xuân: 363,50 điểm.
- Huyện Tuy An: 372,72 điểm.
- Huyện Sơn Hòa: 327,12 điểm.
- Huyện Phú Hòa: 293,21 điểm.
- Huyện Sông Hinh: 367,35 điểm.
- Huyện Tây Hòa: 409,81 điểm.
- Huyện Đông Hòa: 304,17 điểm.

(Chi tiết xem Phụ lục 1 và 2 kèm theo)

b) Số vốn định mức cho 01 điểm phân bổ được tính theo công thức:

Gọi K là tổng vốn trong cân đối ngân sách tập trung Tỉnh dự kiến phân bổ cho các huyện, thị xã, thành phố.

Gọi G là số vốn định mức cho 1 điểm phân bổ vốn đầu tư trong cân đối, ta có: $G = \frac{K}{Q}$

c) Tổng số vốn trong cân đối ngân sách tập trung của từng huyện, thị xã, thành phố được tính theo công thức:

Gọi X_i là số vốn trong cân đối tập trung của huyện thứ i: $X_i = G \times H_i$

3. Điều chỉnh những bất hợp lý

Sau khi phân bổ theo các nguyên tắc, tiêu chí và định mức nêu trên, đối với các huyện, thị xã, thành phố có số vốn đầu tư trong cân đối (không bao gồm vốn đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất) thấp hơn kế hoạch năm 2015 do UBND tỉnh giao sẽ được điều chỉnh theo hệ số 1,2 lần so với kế hoạch năm 2014 (không bao gồm đầu tư từ nguồn thu sử dụng đất) do UBND tỉnh giao.

4. Vốn đầu tư trong cân đối của các địa phương

a) Vốn đầu tư trong cân đối của các địa phương năm 2016: Số vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương được tính theo tiêu chí, định mức quy định tại Điểm 2 và 3 Mục này và dự toán số thu sử dụng đất của địa phương năm 2016.

b) Vốn đầu tư trong cân đối của các địa phương năm 2017 được tính tăng 10-15% so với số vốn đầu tư trong cân đối năm 2016 tính theo tiêu chí, định mức quy định tại nêu Điểm 2 và 3 Mục này và dự toán số thu sử dụng đất của địa phương năm 2017.

Vốn đầu tư trong cân đối của các địa phương năm 2017 làm căn cứ để xác định tỷ lệ điều tiết (nếu có) về ngân sách tỉnh và số bổ sung từ ngân sách tỉnh cho các địa phương giai đoạn 2017-2020.

c) Vốn đầu tư trong cân đối các năm 2018-2020 trong thời kỳ ổn định giai đoạn 2017-2020:

- Đối với các huyện, thị xã, thành phố có điều tiết về ngân sách tỉnh giai đoạn 2017-2020, vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương các năm 2018-2020 được tính trên cơ sở nguồn thu và tỷ lệ điều tiết giữa ngân sách tỉnh và ngân sách địa phương và dự toán số thu về sử dụng đất hằng năm của địa phương.

- Đối với các địa phương không có điều tiết về ngân sách tỉnh, nguồn thu trong cân đối không tăng hoặc tăng không đáng kể (không đủ bù đắp cho nhiệm vụ thường xuyên), vốn đầu tư trong cân đối ngân sách địa phương các năm 2018-2020

được tính tăng 10% so với dự toán năm trước được UBND tỉnh giao kế hoạch và dự toán số thu sử dụng đất hằng năm của các địa phương.

IV. CÁC NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHÍ PHÂN BỔ VỐN HỖ TRỢ CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH TỈNH CHO CÁC HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ GIAI ĐOẠN 2016-2020

Trong giai đoạn 2016-2020, từ nguồn cân đối ngân sách tỉnh, UBND tỉnh quyết định hỗ trợ có mục tiêu một số chương trình, dự án do các huyện, thị xã, thành phố quản lý:

1. Nguyên tắc hỗ trợ vốn từ ngân sách tỉnh cho các chương trình, dự án do các huyện, thị xã, thành phố quản lý

- Tuân thủ các nguyên tắc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm cho chương trình, dự án và điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm được quy định tại Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và văn bản chỉ đạo điều hành của Tỉnh ủy, HĐND và UBND tỉnh về đầu tư công trong giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện theo đúng nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên trong bố trí vốn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình nêu tại Mục I Phần D Quy định này.

- Các chương trình, dự án được hỗ trợ từ ngân sách tỉnh đều phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Đối với kế hoạch đầu tư công hằng năm, các dự án phải có quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

2. Về cơ chế hỗ trợ vốn từ ngân sách cấp tỉnh cho các dự án do các huyện, thị xã, thành phố quản lý

- Nguồn vốn hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh tập trung cho các dự án có tính cấp bách do ảnh hưởng của thiên tại, dịch bệnh; các dự án phòng chống lụt bão, hạn hán; các chương trình, dự án có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương; các chương trình, dự án phục vụ an sinh-xã hội, phúc lợi xã hội; các chương trình, dự án ODA (kể cả các chương trình dự án chuyển tiếp từ giai đoạn 2011-2015 sang giai đoạn 2016-2020).

- Về quy mô dự án hỗ trợ: Để bảo đảm bố trí vốn tập trung, hiệu quả, đối với các dự án mới giai đoạn 2016 - 2020, vốn ngân sách cấp tỉnh chỉ hỗ trợ cho các dự án nhóm C có mức vốn ≤ 20 tỷ đồng. UBND tỉnh báo cáo và xin ý kiến HĐND tỉnh để quyết định.

3. Về mức hỗ trợ vốn từ ngân sách cấp tỉnh cho các dự án do các huyện, thị xã, thành phố quản lý

- Đối với dự án khởi công mới do huyện, thị xã, thành phố quản lý giai đoạn 2016-2020, được cấp tỉnh quyết định hỗ trợ, mức hỗ trợ từ ngân sách cấp tỉnh tối đa

không quá 70% tổng mức đầu tư của từng dự án đối với các huyện đồng bằng, thị xã, thành phố; không quá 80% tổng mức đầu tư của từng dự án cho 03 huyện miền núi: Sơn Hòa, Sông Hinh và Đồng Xuân.

- Đối với vốn đối ứng các chương trình, dự án ODA được UBND tỉnh quyết định hỗ trợ và giao cho các huyện, thị xã, thành phố làm chủ dự án, ngân sách cấp tỉnh hỗ trợ vốn đối ứng không quá 70% tổng mức đầu tư của từng dự án đối với các huyện đồng bằng, thị xã, thành phố; không quá 80% tổng mức đầu tư của từng dự án cho 03 huyện miền núi: Sơn Hòa, Sông Hinh và Đồng Xuân. Đối với các chương trình dự án ODA do các sở, ban, ngành thuộc tỉnh làm chủ dự án thực hiện tại huyện, thị xã, thành phố nào thì huyện, thị xã, thành phố này có trách nhiệm bố trí vốn đối ứng từ nguồn cân đối ngân sách cấp mình: Đối với các huyện đồng bằng, thị xã, thành phố 30% mức vốn đối ứng; đối với các huyện miền núi: Sơn Hòa, Sông Hinh và Đồng Xuân là 20%.

- Đối với các chương trình phục vụ nông thôn mới và các chương trình khác mức hỗ trợ theo nghị quyết của HĐND tỉnh, quyết định của UBND tỉnh.

V. NGUYÊN TẮC, TIÊU CHÍ VÀ ĐỊNH MỨC PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA VÀ VỐN TRÁI PHIẾU CHÍNH PHỦ (THEO QUYẾT ĐỊNH SỐ 40/2015/QĐ-TTG, NGÀY 14/9/2015 CỦA THỦ TƯỚNG CHÍNH PHỦ)

1. Đối với các chương trình mục tiêu Quốc gia, sau khi Quốc hội thông qua chủ trương đầu tư, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quyết định đầu tư chương trình mục tiêu quốc gia, nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn ngân sách trung ương cho các chương trình mục tiêu Quốc gia theo quy định tại Nghị quyết của Quốc hội về chủ trương đầu tư của từng chương trình.

2. Đối với vốn trái phiếu Chính phủ: Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn trái phiếu Chính phủ thực hiện theo quy định trong Nghị quyết của Quốc hội.

VI. CÁC NGUYÊN TẮC VÀ TIÊU CHÍ PHÂN BỔ VỐN NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG CHO CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU

1. Nguyên tắc chung

a) Về phân bổ vốn các chương trình mục tiêu:

- Phải tuân thủ các nguyên tắc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hàng năm cho chương trình, dự án và điều kiện chương trình, dự án được bố trí vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm được quy định tại Luật Đầu tư công, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật Đầu tư công và văn bản chỉ đạo điều hành của Chính phủ và Thủ tướng Chính phủ về đầu tư công trong giai đoạn 2016-2020.

- Thực hiện theo đúng nguyên tắc chung và thứ tự ưu tiên trong bố trí vốn trong từng ngành, lĩnh vực, chương trình nêu tại Mục I Phần D Quy định này.

- Ngân sách Trung ương bổ sung có mục tiêu cho ngân sách địa phương để thực hiện các chương trình mục tiêu đã được Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, quyết định. Các dự án được hỗ trợ từ các chương trình mục tiêu đều phải được cấp có thẩm quyền phê duyệt chủ trương đầu tư và thẩm định về nguồn vốn và khả năng cân đối vốn. Đối với kế hoạch đầu tư công hằng năm, các dự án phải có quyết định đầu tư của cấp có thẩm quyền.

b) Về cơ chế hỗ trợ vốn ngân sách trung ương cho các dự án do tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố quản lý:

- Đối với hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Trung ương thông qua các chương trình mục tiêu, sẽ tập trung cho các dự án lớn, trọng điểm, có tính lan tỏa, có tác động thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương, các dự án có tính liên tỉnh, liên vùng.

- Về quy mô dự án hỗ trợ: Để bảo đảm bố trí vốn tập trung, hiệu quả, đối với các dự án mới giai đoạn 2016-2020, vốn ngân sách Trung ương chỉ hỗ trợ cho các dự án từ nhóm B trở lên; trừ trường hợp đặc biệt đối với các dự án cấp bách về phòng, chống thiên tai, dịch bệnh, an ninh, quốc phòng và giải quyết những vấn đề bức xúc nhất của địa phương do Thủ tướng Chính phủ quyết định.

c) Về mức hỗ trợ vốn từ ngân sách trung ương cho các dự án do tỉnh và các huyện, thị xã, thành phố quản lý:

Đối với các dự án khởi công mới giai đoạn 2016-2020 được ngân sách Trung ương hỗ trợ 100%, bao gồm vốn chuẩn bị đầu tư, vốn đền bù giải phóng mặt bằng, vốn xây lắp, trang thiết bị và các chi phí khác có liên quan trong tổng mức đầu tư được duyệt theo quy định của pháp luật.

Đối với các dự án chuyển tiếp đã được hỗ trợ từ nguồn vốn ngân sách Trung ương trong giai đoạn 2011-2015 và các dự án mới chưa được bố trí kế hoạch vốn ngân sách Trung ương nhưng trước thời điểm Luật Đầu tư công có hiệu lực thi hành đã được Thủ tướng Chính phủ quyết định mức vốn ngân sách Trung ương hỗ trợ cụ thể hoặc đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định mức vốn ngân sách Trung ương cụ thể: Tiếp tục hỗ trợ theo mức vốn ngân sách Trung ương được quy định tại các quyết định giao kế hoạch của Thủ tướng Chính phủ và mức vốn ngân sách Trung ương đã được Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định, không phân biệt quy mô dự án, cho đến khi hoàn thành; không áp dụng cơ chế mới về quy mô và tỷ lệ hỗ trợ 100% theo quy định nêu trên cho đến khi hoàn thành dự án.

2. Nguyên tắc phân bổ vốn cụ thể các chương trình mục tiêu giai đoạn 2016-2020

(1) Chương trình mục tiêu Phát triển kinh tế - xã hội các vùng

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các địa phương nằm trong các Nghị quyết của Bộ Chính trị về phát triển kinh tế xã hội và đảm bảo quốc phòng an ninh của các vùng giai đoạn 2016-2020 có các dự án phù hợp đối tượng hỗ trợ của chương trình.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Các dự án kết cấu hạ tầng kinh tế - xã hội quan trọng của địa phương, trong đó tập trung chủ yếu là các dự án kết cấu hạ tầng sau:

+ Các dự án giao thông đầu mối, dự án kết nối liên huyện, liên vùng thuộc địa phương; đường giao thông kết nối với đường cao tốc, quốc lộ, Khu kinh tế (bao gồm cả khu công nghiệp, khu công nghệ cao), cảng biển, cảng hàng không.

+ Các dự án thủy lợi có quy mô lớn, tác động lan tỏa rộng.

+ Cơ sở vật chất và hạ tầng thiết yếu của các trường đại học công lập, khu đại học công lập của tỉnh quản lý nằm trong quy hoạch được Thủ tướng phê duyệt.

+ Các dự án cơ sở hạ tầng quan trọng của các huyện mới chia tách.

+ Các kho lưu trữ chuyên dụng do địa phương quản lý theo Quyết định số 1784/QĐ-TTg, ngày 24/9/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các dự án cấp bách cần đẩy nhanh tiến độ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này và các nguyên tắc tiêu chí sau:

- Ưu tiên các dự án có tác động lan tỏa lớn, phát huy hiệu quả đồng bộ các dự án, dự án cơ sở hạ tầng đã được đầu tư, xây dựng.

- Ưu tiên các dự án tạo điều kiện để thu hút các nguồn lực khác để đầu tư phát triển hệ thống cơ sở hạ tầng của địa phương, vùng.

(2) Chương trình mục tiêu Hỗ trợ vốn đối ứng ODA cho các địa phương

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các dự án sử dụng vốn ODA và vốn vay ưu đãi của các nhà tài trợ nước ngoài đưa vào trong cân đối ngân sách nhà nước, được thực hiện trong giai đoạn 2016 - 2020.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Hỗ trợ các dự án sử dụng nguồn vốn đầu tư phát triển được cân đối trong ngân sách nhà nước (theo hình thức cấp phát từ ngân sách Trung ương) do địa phương trực tiếp làm chủ quản dự án, không bố trí vốn đối ứng cho dự án sử dụng hoàn toàn kinh phí sự nghiệp và dự án cho vay lại.

- Đối với các dự án có cơ cấu vốn hỗn hợp gồm cả vốn sự nghiệp và vốn đầu tư, chỉ hỗ trợ phần vốn đầu tư phát triển.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn đối ứng:

Thực hiện theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

(3) Chương trình hỗ trợ phát triển kinh tế thủy sản bền vững

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các dự án thuộc đối tượng đầu tư theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối tượng hỗ trợ:

Các dự án, hạng mục cơ sở hạ tầng quan trọng của các vùng nuôi trồng thủy sản, cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão, các trung tâm giống, vùng sản xuất giống tập trung, trong đó tập trung ưu tiên các dự án sau:

- Các dự án, hạng mục cấp và tiêu nước, cấp điện, đường giao thông nội vùng của các vùng nuôi trồng thủy sản tập trung, vùng sản xuất giống tập trung quy mô lớn.

- Hạ tầng ngoài hàng rào của các trung tâm giống cấp tỉnh nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Hạ tầng thiết yếu của cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão.

c) Nguyên tắc và tiêu chí phân bổ vốn:

- Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

- Về nguyên tắc ưu tiên đầu tư:

+ Về nuôi trồng thủy sản: Ưu tiên bố trí cho các vùng ven biển, các địa phương có các hồ chứa nước lớn, các địa phương có tiềm năng nuôi trồng thủy sản trên biển.

+ Về khai thác thủy sản: Ưu tiên các dự án cảng cá, khu neo đậu tránh trú bão cấp vùng, cảng cá loại I.

+ Ưu tiên các dự án kết hợp kinh tế với quốc phòng an ninh, dự án kết hợp cảng cá và khu neo đậu tránh trú bão.

+ Ưu tiên các dự án có sự tham gia của khu vực tư nhân.

(4) Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các dự án thuộc đối tượng đầu tư theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Hỗ trợ người dân trồng rừng và phát triển rừng theo các chính sách quy định của Nhà nước.

- Các dự án, hạng mục hạ tầng cơ bản của trung tâm giống lâm nghiệp cấp

tỉnh trở lên, dự án đường lâm nghiệp, hỗ trợ nhà máy chế biến lâm sản, các dự án phòng chống cháy rừng, bảo tồn voi, bảo tồn động vật hoang dã.

- Các dự án, hạng mục hạ tầng thiết yếu của các vườn quốc gia, các khu bảo tồn thiên nhiên vùng biên giới gắn với quốc phòng an ninh.

c) Nguyên tắc và tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này và các nguyên tắc, tiêu chí sau:

- Ưu tiên đầu tư các dự án trồng rừng đầu nguồn của các dự án thủy điện, thủy lợi lớn của Quốc gia; rừng phòng hộ ven biển; các dự án thuộc địa bàn miền núi, vùng sâu vùng xa nằm trong các huyện nghèo theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP, các xã đặc biệt khó khăn.

- Ưu tiên đầu tư các dự án bảo vệ rừng vườn quốc gia, các khu rừng đặc dụng lớn, bảo tồn động vật hoang dã.

(5) Chương trình hỗ trợ tái cơ cấu kinh tế nông nghiệp và phòng chống giảm nhẹ thiên tai, ổn định đời sống dân cư

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các dự án thuộc đối tượng đầu tư theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Hạ tầng thiết yếu của các vùng sản xuất tập trung thực hiện chính sách khuyến khích phát triển liên kết sản xuất gắn với tiêu thụ nông sản do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Hạ tầng thiết yếu của các vùng sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, các vùng trồng trọt và chăn nuôi tập trung quy mô lớn, các vùng sản xuất theo quy trình an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Hạ tầng thiết yếu của các trung tâm giống cây trồng và vật nuôi từ cấp tỉnh trở lên nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các dự án thực hiện chính sách thu hút đầu tư vào nông nghiệp, nông thôn theo Nghị định 210/2013/NĐ-CP ngày 19/12/2013.

- Các dự án nâng cấp cải tạo hệ thống đê sông, đê biển theo các Quyết định số: 58/2006/QĐ-TTg, ngày 14/3/2006; số 667/QĐ-TTg, ngày 27/5/2009; số 2068/QĐ-TTg, ngày 09/12/2009 của Thủ tướng Chính phủ; Hỗ trợ xử lý sạt lở cấp bách theo Quyết định 01/2011/QĐ-TTg, ngày 04/01/2011 của Thủ tướng Chính phủ. Ưu tiên các dự án xung yếu thuộc các tuyến đê trung ương, các tuyến đê bảo vệ các trung tâm kinh tế chính trị quan trọng, vùng tập trung đông dân cư.

- Các dự án nâng cấp, xây dựng mới các hồ chứa nước ngọt, các hệ thống thủy lợi trên các đảo lớn có đông dân cư chưa thực hiện theo Quyết định số

439/QĐ-TTg, ngày 03/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ; nâng cấp, sửa chữa, đảm bảo an toàn hồ chức nước.

- Hạ tầng tái định cư các dự án lớn theo các quyết định riêng của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

(6) Chương trình cấp điện nông thôn, miền núi và hải đảo

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các dự án thuộc đối tượng hỗ trợ của chương trình theo Quyết định số 2081/QĐ-TTg, ngày 08/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ, trong đó ưu tiên hỗ trợ cho các địa phương nghèo, chưa cân đối được ngân sách, các địa phương có tỷ lệ hộ dân sử dụng điện lưới quốc gia thấp hơn mức trung bình chung của cả nước, các địa bàn miền núi và các địa phương có đảo tiền tiêu có vị trí quốc phòng an ninh quan trọng chưa được cấp điện, cấp điện nhưng chưa ổn định và liên tục.

b) Đối tượng hỗ trợ

- Các dự án cấp điện cho những cụm dân cư khu vực vùng sâu, vùng xa chưa có lưới điện Quốc gia được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các dự án cấp điện cho các đảo.

c) Nguyên tắc phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này. Riêng về cơ cấu hỗ trợ vốn ngân sách Trung ương, thực hiện theo Quyết định số 2081/QĐ-TTg, ngày 08/11/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

(7) Chương trình mục tiêu hỗ trợ đầu tư hạ tầng khu kinh tế ven biển, khu kinh tế cửa khẩu, khu công nghệ cao, khu công nghiệp và cụm công nghiệp, khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

a) Phạm vi hỗ trợ:

- Khu kinh tế Nam Phú Yên được thành lập theo Quyết định số 54/QĐ-TTg, ngày 28/4/2008 của Thủ tướng Chính phủ, hoạt động theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP và Nghị định số 164/2013/NĐ-CP; (ii) có Quy hoạch chung xây dựng đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1712/QD-TTg, ngày 23/10/2009; (iii) có Ban Quản lý Khu kinh tế Phú Yên được thành lập theo Quyết định số 1373/QĐ-TTg, ngày 26/9/2008 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các khu công nghiệp, cụm công nghiệp thuộc địa phương đáp ứng các tiêu chí sau:

+ Khu công nghiệp nằm trong Quy hoạch tổng thể phát triển các khu công nghiệp của cả nước và đã được thành lập và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 29/2008/NĐ-CP và Nghị định 164/2013/NĐ-CP;

+ Cụm công nghiệp nằm trong Quy hoạch phát triển cụm công nghiệp trên địa bàn được Bộ Công thương thỏa thuận, có diện tích lớn hơn 25 ha, có Quyết định thành lập của cấp có thẩm quyền hoặc văn bản pháp lý tương đương, có Quy hoạch chi tiết được phê duyệt, có chủ đầu tư xây dựng hạ tầng và hoạt động theo quy định của pháp luật về quản lý cụm công nghiệp. Tính đến thời điểm được xem xét hỗ trợ có doanh nghiệp đăng ký đầu tư đạt tỷ lệ lấp đầy ít nhất 30%. Thứ tự ưu tiên đầu tư theo Quyết định 960/QĐ-UBND, ngày 04/6/2015 của UBND tỉnh Phú Yên;

+ Ưu tiên khu công nghiệp, cụm công nghiệp có vị trí quan trọng trong việc thu hút đầu tư để chuyển dịch cơ cấu kinh tế, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế của địa phương, đảm bảo thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường; phục vụ mục tiêu di dời các cơ sở sản xuất ô nhiễm hoặc nằm xen kẽ trong các khu dân cư vào khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

+ Dự án xây dựng hạ tầng khu công nghiệp, cụm công nghiệp do tổ chức kinh tế 100% vốn của nhà đầu tư Việt Nam làm chủ đầu tư hoặc do đơn vị sự nghiệp được giao làm chủ đầu tư theo quy định của pháp luật về khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

- Khu công nghệ cao, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên được thành lập theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Đối với Khu kinh tế Nam Phú Yên:

+ Các công trình giao thông chính trong khu;

+ Bồi thường, giải phóng mặt bằng và xây dựng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội của các dự án khu nhà ở công nhân và khu tái định cư phục vụ người bị thu hồi đất trong khu kinh tế ven biển;

+ Đầu tư khu xử lý chất thải rắn và hệ thống xử lý nước thải tập trung của các khu chức năng trong Khu kinh tế (bao gồm hệ thống thoát nước, trạm xử lý nước thải tập trung);

- Đối với Khu công nghiệp, cụm công nghiệp:

+ Hệ thống xử lý nước thải tập trung;

+ Hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào Khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

+ Đường gom, đường vào Khu công nghiệp, cụm công nghiệp;

- Đối với Khu công nghệ cao, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên:

+ San lấp mặt bằng trong khu;

+ Xây dựng đường giao thông chính trong nội bộ khu;

+ Xây dựng dự án cấp điện, cấp nước, xử lý nước thải, rác thải;

+ Các hạ tầng thiết yếu khác.

d) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này. Riêng các dự án đầu tư theo hình thức PPP, hỗ trợ theo tỷ lệ quy định trong hợp đồng dự án.

- Khu kinh tế Nam Phú Yên.

- Các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp: Ngân sách trung ương xem xét hỗ trợ tối đa không quá 01 khu công nghiệp; 01 cụm công nghiệp do các huyện, thị xã quản lý trong giai đoạn 2016-2020. Mỗi khu công nghiệp được hỗ trợ đầu tư hạ tầng tối đa 100 tỷ đồng; mỗi cụm công nghiệp được hỗ trợ đầu tư hạ tầng không quá 50 tỷ đồng. Cụ thể:

+ Vốn đầu tư từ ngân sách Trung ương được sử dụng cho các công trình, dự án theo thứ tự ưu tiên sau: (1) Hệ thống xử lý nước thải tập trung; (2) Hạ tầng kỹ thuật trong hàng rào Khu công nghiệp, cụm công nghiệp; (3) Đường gom, đường vào Khu công nghiệp, cụm công nghiệp.

+ Đối với các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp đã hỗ trợ trong giai đoạn 2011-2015 nhưng chưa đầu tư hoặc đang đầu tư xây dựng nhà máy xử lý nước thải tập trung hoặc nhà máy xử lý nước thải tập trung chưa đáp ứng nhu cầu lưu lượng nước thải thực tế tại Khu công nghiệp, cụm công nghiệp thì ngân sách Trung ương ưu tiên bố trí vốn cho các Khu công nghiệp, cụm công nghiệp này để đầu tư xây dựng hoàn thành và đưa vào sử dụng hệ thống xử lý nước thải đạt tiêu chuẩn môi trường. Sau khi hoàn thành việc hỗ trợ cho hạng mục nêu trên, số vốn hỗ trợ còn lại sẽ bố trí cho Khu công nghiệp, cụm công nghiệp theo đúng đối tượng, nguyên tắc và thứ tự ưu tiên đã quy định.

- Các Khu công nghệ cao, Khu nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao Phú Yên: Thực hiện theo Nghị định 99/2003/NĐ-CP của Chính phủ, Văn bản số 6562/VPCP-KTTH, ngày 13/11/2007, Thông báo số 204/TB-VPVP, ngày 23/6/2014 của Văn phòng Chính phủ, Quyết định số 1895/QĐ-TTg, ngày 17/12/2012 và Quyết định số 575/QĐ-TTg, ngày 04/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

(8) Chương trình mục tiêu giáo dục vùng núi, vùng dân tộc thiểu số, vùng khó khăn

a) Phạm vi hỗ trợ:

Trường Phổ thông Dân tộc nội trú Tỉnh, các trường phổ thông dân tộc nội trú

ở các huyện miền Núi và các trường, điểm trường có học sinh phổ thông dân tộc bán trú, học sinh dân tộc rất ít người theo học theo quyết định của cấp có thẩm quyền.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Tiếp tục hỗ trợ đầu tư cơ sở vật chất cho Trường Phổ thông Dân tộc nội trú tỉnh thuộc Đề án củng cố và phát triển hệ thống các trường phổ thông dân tộc nội trú theo Quyết định số 1640/QĐ-TTg, ngày 21/9/2011 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án củng cố và phát triển hệ thống trường Phổ thông Dân tộc nội trú giai đoạn 2011-2015.

- Hỗ trợ trường phổ thông dân tộc nội trú ở các huyện Sông Hinh, Sơn Hòa, Đồng Xuân, các trường, điểm trường phổ thông dân tộc bán trú, kết hợp giải quyết chỗ học cho học sinh các dân tộc rất ít người theo Quyết định số 85/2010/QĐ-TTg, ngày 21/12/2010 của Thủ tướng Chính phủ ban hành một số chính sách hỗ trợ học sinh bán trú và trường phổ thông dân tộc bán trú và Quyết định 2123/QĐ-TTg, ngày 22/11/2010 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Đề án Phát triển giáo dục đối với các dân tộc rất ít người giai đoạn 2010-2015.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

- Thực hiện theo các nguyên tắc chung phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

- Ưu tiên đầu tư theo thứ tự sau: (1) trường phổ thông dân tộc nội trú Tỉnh, (2) trường phổ thông dân tộc nội trú huyện Sông Hinh, Sơn Hòa, Đồng Xuân, (3) các trường và điểm trường phổ thông dân tộc bán trú, (4) trường và điểm trường có học sinh dân tộc rất ít người theo học.

(9) Chương trình mục tiêu Phát triển hệ thống trợ giúp xã hội

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các cơ sở trợ giúp xã hội nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Các dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở bảo trợ xã hội tổng hợp cấp tỉnh và Trung tâm công tác xã hội cấp tỉnh theo Quyết định số 524/QĐ-TTg, ngày 20/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở chăm sóc, phục hồi chức năng cho người tâm thần, người rối nhiễu tâm trí ở cấp tỉnh theo Quyết định số 1215/QĐ-TTg, ngày 22/7/2011 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các dự án đầu tư xây dựng và nâng cấp các cơ sở cai nghiện, điều trị nghiện cấp tỉnh theo Quyết định số 2596/QĐ-TTg, ngày 27/12/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này và các nguyên tắc, tiêu chí sau:

- Ưu tiên các dự án có sự tham gia của khu vực tư nhân.

- Mức hỗ trợ không quá 150 tỷ đồng thực hiện chương trình trong giai đoạn 2016-2020.

(10) Chương trình mục tiêu Y tế - Dân số

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các Trung tâm y tế hệ dự phòng và dân số- kế hoạch hóa gia đình tuyến Tỉnh, vùng, gồm trung tâm y tế dự phòng, y học lao động và vệ sinh môi trường, phòng chống HIV/AIDS, phòng chống lao, phòng chống sốt rét, da liễu, trung tâm chăm sóc sức khỏe sinh sản, trung tâm giám định, trung tâm kiểm nghiệm thuốc, mỹ phẩm, thực phẩm, trung tâm tư vấn và dịch vụ dân số - kế hoạch hóa gia đình, chi cục an toàn vệ sinh thực phẩm,... nằm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, đang đầu tư dở dang hoặc chưa được đầu tư.

b) Đối tượng hỗ trợ:

Các dự án xây dựng và mua sắm trang thiết bị cho các trung tâm cấp tỉnh do địa phương quản lý, không đầu tư mang tính xây dựng trụ sở.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này và các dự án ngân sách Trung ương hỗ trợ phải thuộc quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống y tế từng thời kỳ và các Đề án được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

Ưu tiên cho các dự án xây dựng trung tâm kết hợp các nhiệm vụ chức năng của các cơ sở hoặc cải tạo, nâng cấp các cơ sở sẵn có, các dự án có sự tham gia của khu vực tư nhân.

(11) Chương trình mục tiêu Đầu tư phát triển hệ thống y tế địa phương

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các dự án thuộc đối tượng đầu tư theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối tượng hỗ trợ:

Các bệnh viện, trung tâm khám chữa bệnh công lập tuyến tỉnh thuộc quy hoạch phát triển tổng thể hệ thống y tế được các cấp có thẩm quyền phê duyệt, bao gồm:

- Đầu tư các bệnh viện đa khoa và chuyên khoa; trung tâm khám chữa bệnh tuyến tỉnh, gồm: trung tâm ung bướu, trung tâm tim mạch, trung tâm mắt, trung tâm vận chuyển, cấp cứu, ngoại - chấn thương, sản và nhi,... thuộc Đề án giảm tải bệnh viện giai đoạn 2013 - 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 92/QĐ-TTg, ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ và các Đề án khác được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đầu tư xây dựng, cải tạo, nâng cấp cơ sở hạ tầng, trang thiết bị cho các bệnh viện Y học cổ truyền toàn quốc thuộc Đề án Đầu tư xây dựng, nâng cấp hệ thống bệnh viện y học cổ truyền toàn quốc giai đoạn 2014 - 2025 được phê duyệt tại Quyết định số 362/QĐ-TTg, ngày 11/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ.

- Đầu tư trang thiết bị y tế, cơ sở hạ tầng cho các cơ sở y tế thuộc đề án phát triển y tế biển đảo đến năm 2020 được phê duyệt tại Quyết định số 317/QĐ-TTg, ngày 07/02/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này và các nguyên tắc, tiêu chí sau:

- Ưu tiên đầu tư các dự án nhằm đồng bộ, phát huy hiệu quả các dự án đã đầu tư giai đoạn trước.

- Ưu tiên đầu tư các bệnh viện là bệnh viện trung tâm của các vùng.

(12) Chương trình mục tiêu Phát triển văn hóa

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các dự án thuộc đối tượng đầu tư theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Đầu tư các dự án, hạng mục dự án thiết yếu của các dự án tôn tạo, bảo vệ và phát huy giá trị các di sản văn hóa được UNESCO công nhận, di tích quốc gia đặc biệt do Thủ tướng Chính phủ xếp hạng, một số di sản văn hóa, di tích quốc gia có ý nghĩa chính trị, lịch sử và văn hóa truyền thống của dân tộc.

- Một số dự án văn hóa quan trọng, cấp bách theo Quyết định số 88/QĐ-TTg, ngày 09/01/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Dự án văn hóa có ý nghĩa biểu tượng quốc gia, ý nghĩa chính trị được Bộ Chính trị, Ban Bí thư đồng ý chủ trương đầu tư.

- Các hạng mục thiết yếu của dự án khu lưu niệm, nhà lưu niệm các đồng chí lãnh đạo chủ chốt của Đảng, Nhà nước và lãnh đạo tiền bối theo Kết luận số 88-KL/TW, ngày 18/02/2014 của Bộ Chính trị và danh nhân văn hóa tiêu biểu của dân tộc.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại điểm 1 Mục VI Quy định này và các nguyên tắc, tiêu chí:

- Ưu tiên các di tích bị xuống cấp trầm trọng, cần bảo tồn khẩn cấp; các di sản văn hóa quan trọng, di tích quốc gia đặc biệt cần phát huy giá trị làm động lực phát triển văn hóa truyền thống và tạo sức lan tỏa.

- Ưu tiên các dự án có sự tham gia của khu vực tư nhân.

(13) Chương trình mục tiêu Phát triển hạ tầng du lịch

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các dự án thuộc địa bàn trọng điểm phát triển du lịch vùng; các địa phương có khu, điểm, tuyến du lịch được xác định tại Quy hoạch tổng thể phát triển du lịch Việt Nam đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Đường từ trục chính đến khu du lịch, điểm du lịch, địa bàn trọng điểm phát triển du lịch vùng.

- Đường trục chính, hệ thống xử lý chất thải trong khu, điểm du lịch.

- Kè hoặc nạo vét lòng hồ để bảo vệ, tôn tạo tài nguyên du lịch tại các khu, điểm du lịch, địa bàn trọng điểm phát triển du lịch vùng.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này và ưu tiên đầu tư cho các dự án lớn, trọng điểm, có tính chất lan tỏa, trước hết là các dự án hạ tầng kết nối thuộc địa bàn các khu du lịch quốc gia, điểm du lịch quốc gia, địa bàn trọng điểm phát triển du lịch vùng thuộc quy hoạch đã được cấp thẩm quyền phê duyệt.

(14) Chương trình mục tiêu Giáo dục nghề nghiệp - việc làm và an toàn lao động

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các trường dạy nghề chất lượng cao thuộc Quyết định số 761/QĐ-TTg, ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ; trường nghề nội trú cho người dân tộc thiểu số và trường dạy nghề cho người khuyết tật; các trung tâm dịch vụ việc làm theo quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Trường nghề chất lượng cao theo Quyết định số 761/QĐ-TTg, ngày 23/5/2014 của Thủ tướng Chính phủ;

- Các trung tâm dịch vụ việc làm trong quy hoạch được cấp có thẩm quyền phê duyệt, trong đó ưu tiên đầu tư các dự án có sự tham gia của khu vực tư nhân.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

(15) Chương trình mục tiêu Công nghệ thông tin

a) Phạm vi hỗ trợ:

- Các dự án xây dựng cơ sở dữ liệu được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt theo Quyết định số 714/QĐ-TTg, ngày 22/5/2015, trong đó ưu tiên các cơ sở dữ liệu quốc gia;

- Các dự án ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành đảm bảo kết nối liên thông với các cơ quan Trung ương, kết nối liên thông vào hệ thống thông tin và cơ sở dữ liệu quốc gia theo quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Các dự án hệ thống thông tin quốc gia, các cơ sở dữ liệu quốc gia, các cơ sở dữ liệu chuyên ngành và các hệ thống kết nối thông tin trực tuyến thuộc nền tảng Chính phủ điện tử.

- Các dự án đầu tư xây dựng hạ tầng ứng dụng công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu khung về kiến trúc Chính phủ điện tử; đảm bảo tính bảo mật, an toàn thông tin và kết nối liên thông giữa các hệ thống thông tin của địa phương với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu quốc gia.

- Các dự án hạ tầng và giải pháp công nghệ đảm bảo an toàn, an ninh mạng tập trung đối với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu và mạng máy tính của các cơ quan nhà nước.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

(16) Chương trình mục tiêu Xử lý triệt để cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích

a) Phạm vi hỗ trợ

Các địa phương có cơ sở gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng theo Quyết định số 64/2003/QĐ-TTg, ngày 22/4/2003 và số 1788/QĐ-TTg, ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ có dự án phù hợp đối tượng hỗ trợ của chương trình.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Các bãi rác gây ô nhiễm môi trường nghiêm trọng thuộc đối tượng công ích theo Quyết định số 1788/QĐ-TTg, ngày 01/10/2013 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các điểm tồn lưu hóa chất và thuốc bảo vệ thực vật tồn lưu theo Quyết định số 1946/QĐ-TTg, ngày 21/10/2010 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

(17) Chương trình mục tiêu ứng phó với biến đổi khí hậu và tăng trưởng xanh

a) Phạm vi hỗ trợ:

Các dự án đầu tư thuộc đối tượng theo Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Dự án Kè chống xói lở đầm Cù Mông thuộc danh mục các dự án ưu tiên tại

văn bản số 1443/TTg- QHQT, ngày 19/9/2012 của Thủ tướng Chính phủ.

- Dự án trồng rừng phòng hộ ven biển tỉnh theo văn bản số 78/TTg-KTTH, ngày 16/01/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

- Các dự án Năng lượng tái tạo, tiết kiệm năng lượng trong các tòa nhà, trụ sở; Nông nghiệp sạch và ít phát thải; Giảm phát thải khí nhà kính trong giao thông công cộng và các dự án xung yếu cần bổ sung thực hiện tại các tỉnh, thành phố có tốc độ phát triển cao trong công nghiệp và năng lượng.

c) Nguyên tắc phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này và theo các Quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

(18) Chương trình mục tiêu Đảm bảo trật tự an toàn giao thông, phòng cháy chữa cháy, phòng chống tội phạm và ma túy

a) Phạm vi hỗ trợ:

Theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối tượng hỗ trợ:

- Các dự án nâng cao năng lực cho lực lượng phòng cháy chữa cháy và cảnh sát giao thông của Bộ Công an quản lý được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Các dự án nâng cao năng lực cho lực lượng phòng chống tội phạm, ma túy của Bộ Công an và Bộ Quốc phòng được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

(19) Chương trình mục tiêu Công nghiệp quốc phòng thực hiện Nghị quyết 06-NQ/TW của Bộ Chính trị (gọi tắt là CNQP-06/BCT)

a) Phạm vi hỗ trợ:

Theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối tượng hỗ trợ:

Các dự án được phê duyệt tại các Quyết định của Chính phủ số 344/2012/QĐ-TTg, ngày 23/3/2012 về phê duyệt điều chỉnh Kế hoạch xây dựng và phát triển công nghiệp quốc phòng giai đoạn 2011-2015; số 1375/2012/QĐ-TTg, ngày 24/9/2012 về phê duyệt danh mục các dự án đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa công nghệ theo kế hoạch xây dựng phát triển công nghiệp quốc phòng giai đoạn 2011-2015 và các quyết định khác của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này.

Ưu tiên đầu tư các dự án thuộc nhóm các dự án trọng điểm và đầu tư chiều sâu, hiện đại hóa công nghệ thuộc Quy hoạch, Kế hoạch về công nghiệp quốc phòng được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 344/2012/QĐ-TTg, ngày 23/3/2012.

Đối với các dự án lưỡng dụng kết hợp công nghiệp quốc phòng với công nghiệp dân sinh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt giao các Bộ, ngành, địa phương thực hiện thì được hỗ trợ 100% vốn đầu tư tương ứng với nội dung đầu tư nhằm đảm bảo nhiệm vụ quốc phòng được giao.

(20) Chương trình mục tiêu Quốc phòng an ninh trên địa bàn trọng điểm

a) Phạm vi hỗ trợ:

Theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

b) Đối tượng hỗ trợ:

Theo quy định tại Quyết định số 40/2015/QĐ-TTg, ngày 14/9/2015 của Thủ tướng Chính phủ.

c) Nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn:

Thực hiện theo các nguyên tắc, tiêu chí phân bổ vốn cho các chương trình mục tiêu nêu tại Điểm 1 Mục VI Quy định này. Riêng đối với các dự án rà phá bom mìn khởi công mới giai đoạn 2016 - 2020, ngân sách trung ương hỗ trợ mỗi tỉnh không quá 01 dự án và mức vốn không quá 50 tỷ đồng.

(21) Chương trình mục tiêu Biển Đông-Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng an ninh trên biển và hải đảo

Thực hiện theo Quyết định số 610/QĐ-TTg, ngày 08/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Kế hoạch chương trình Biển Đông - Hải đảo đảm bảo cho lĩnh vực quốc phòng an ninh trên biển và hải đảo giai đoạn 2016-2020./.

CHỦ TỊCH

Huỳnh Tấn Việt